

Số: 9/88 /CTHN-HKDCN
V/v quyết toán thuế TNCN
năm 2021

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2022

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp, đoàn thể;
- Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế.
- Cá nhân có thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền lương tiền công

Ngày 29/9/2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 80/2021/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế, theo đó có một số hướng dẫn mới liên quan đến quyết toán thuế thu nhập cá nhân (QTT TNCN).

Để cập nhật những điểm mới liên quan đến quyết toán thuế TNCN tại Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài Chính đồng thời để đảm bảo thực hiện thống nhất theo quy định của pháp luật thuế hiện hành, Cục Thuế TP Hà Nội hướng dẫn những nội dung lưu ý khi thực hiện quyết toán thuế TNCN cho năm tính thuế 2021 đối với các cơ quan, đơn vị, đoàn thể, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cá nhân trả thu nhập, sau đây gọi chung là tổ chức trả thu nhập và cá nhân QTT TNCN như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG PHẢI QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN

1. Cá nhân có thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công phải trực tiếp quyết toán thuế TNCN với cơ quan Thuế

- Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công nếu có số thuế phải nộp thêm trừ các trường hợp có số thuế phải nộp thêm sau quyết toán thuế từng năm từ 50.000 đồng trở xuống .

- Cá nhân có số thuế nộp thừa có nhu cầu đề nghị hoàn hoặc bù trừ vào kỳ khai thuế tiếp theo.

- Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công đồng thời thuộc diện xét giảm thuế do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo.

- Cá nhân cư trú là người nước ngoài kết thúc hợp đồng làm việc tại Việt Nam phải khai quyết toán thuế với cơ quan thuế trước khi xuất cảnh.

Lưu ý:

+ Cá nhân có mặt tại Việt Nam tính trong năm dương lịch đầu tiên dưới 183 ngày, nhưng tính trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam là từ 183 ngày trở lên thì năm quyết toán đầu tiên là 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam.

2 .Tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công phải thực hiện khai quyết toán thuế TNCN

Tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khai quyết toán thuế TNCN không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế và quyết toán thuế TNCN thay cho cá nhân có ủy quyền. Trường hợp cá nhân có ủy quyền quyết toán thuế TNCN cho tổ chức và có số thuế phải nộp thêm sau quyết toán từ 50.000 đồng trở xuống thuộc diện được miễn thuế thì tổ chức trả thu nhập vẫn kê khai thông tin cá nhân được trả thu nhập đó tại hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân của tổ chức và không tổng hợp số thuế phải nộp thêm của các cá nhân có số thuế phải nộp thêm sau quyết toán từ 50.000 đồng trở xuống.

Trường hợp cá nhân là người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới do tổ chức cũ thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc tổ chức cũ và tổ chức mới trong cùng một hệ thống thì tổ chức mới có trách nhiệm quyết toán thuế TNCN theo ủy quyền của cá nhân đối với cả phần thu nhập do tổ chức cũ chi trả và tổ chức trả thu nhập mới thu lại chúng từ khấu trừ thuế TNCN do tổ chức trả thu nhập cũ đã cấp cho người lao động (nếu có).

II. ĐỐI TƯỢNG KHÔNG PHẢI QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN

1. Cá nhân không phải thực hiện quyết toán

- Cá nhân không cư trú tại Việt Nam nhưng có phát sinh khấu trừ hoặc tạm nộp trong năm.
- Cá nhân cư trú có số thuế TNCN nộp thừa mà không có yêu cầu hoàn thuế hoặc bù trừ thuế vào kỳ khai thuế tiếp theo.
- Cá nhân có số thuế thu nhập cá nhân phải nộp thêm sau quyết toán của từng năm từ 50.000 đồng trở xuống. Cá nhân được miễn thuế trong trường hợp này tự xác định số tiền thuế được miễn, không bắt buộc phải nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân và không phải nộp hồ sơ miễn thuế.
- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 (ba) tháng trở lên tại một đơn vị mà có thêm thu nhập vãng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 (mười) triệu đồng và đã được khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% nếu không có yêu cầu thì không phải quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.
- Cá nhân được người sử dụng lao động mua bảo hiểm nhân thọ (trừ bảo hiểm hưu trí tự nguyện), bảo hiểm không bắt buộc khác có tích lũy về phí bảo hiểm mà người sử dụng lao động hoặc doanh nghiệp bảo hiểm đã khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% trên khoản tiền phí bảo hiểm tương ứng với phần người sử dụng lao động mua hoặc đóng góp cho người lao động thì người lao động không phải quyết toán thuế TNCN đối với phần thu nhập này.

2. Tổ chức không phải thực hiện quyết toán

Tổ chức không phát sinh trả thu nhập từ tiền lương tiền công thì không phải khai quyết toán thuế TNCN.

III. ỦY QUYỀN QUYẾT TOÁN THUẾ

1. Cá nhân được ủy quyền quyết toán thuế qua tổ chức trả thu nhập

- Cá nhân chỉ có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên *tại một tổ chức trả thu nhập* và thực tế *đang làm việc tại tổ chức đó vào thời điểm ủy quyền quyết toán thuế*, kể cả trường hợp cá nhân làm việc không đủ 12 tháng trong năm tại tổ chức, đồng thời có thu nhập vãng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng đã được đơn vị trả thu nhập khấu trừ đủ thuế 10% mà không có yêu cầu quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.

- Cá nhân là người nước ngoài kết thúc hợp đồng làm việc tại Việt Nam chưa làm thủ tục quyết toán thuế với cơ quan thuế thì thực hiện ủy quyền cho tổ chức trả thu nhập hoặc tổ chức, cá nhân khác quyết toán thuế theo quy định về quyết toán thuế đối với cá nhân. Trường hợp tổ chức trả thu nhập hoặc tổ chức, cá nhân khác nhận ủy quyền quyết toán thì phải chịu trách nhiệm về số thuế TNCN phải nộp thêm hoặc được hoàn trả số thuế nộp thừa của cá nhân.

- Trường hợp tổ chức trả thu nhập thực hiện việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi) và người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới được hình thành sau khi tổ chức lại doanh nghiệp, nếu trong năm người lao động không có thêm thu nhập từ tiền lương, tiền công tại một nơi nào khác thì được ủy quyền quyết toán cho tổ chức mới quyết toán thuế thay, tổ chức mới phải thu lại chứng từ khấu trừ thuế TNCN do tổ chức cũ đã cấp cho người lao động để tổng hợp thu nhập, số thuế đã khấu trừ và QTT TNCN thay cho người lao động.

- Trường hợp điều chuyển người lao động giữa các tổ chức trong cùng một hệ thống như: Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ - con, Trụ sở chính và chi nhánh thì cũng được áp dụng nguyên tắc ủy quyền QTT như đối với trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp.

Lưu ý:

Tổ chức trả thu nhập chỉ thực hiện nhận ủy quyền quyết toán thay cho cá nhân đối với phần thu nhập từ tiền lương, tiền công mà cá nhân nhận được từ tổ chức trả thu nhập trừ trường hợp các doanh nghiệp trong năm có chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi và trường hợp người lao động điều chuyển giữa các tổ chức trong cùng một hệ thống như: Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ - con, Trụ sở chính và chi nhánh.

2. Cá nhân không được ủy quyền quyết toán cho tổ chức trả thu nhập

- Cá nhân đảm bảo điều kiện được ủy quyền quy định tại điểm 1 nêu trên nhưng đã được tổ chức trả thu nhập cấp chứng từ khấu trừ thuế TNCN thì không ủy quyền quyết toán thuế cho tổ chức trả thu nhập (trừ trường hợp tổ chức trả thu nhập đã thu hồi và hủy chứng từ khấu trừ thuế đã cấp cho cá nhân).

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị nhưng *vào thời điểm ủy quyền quyết toán thuế không làm việc tại tổ chức đó*.

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị, đồng thời có thu nhập vãng lai chưa khấu trừ thuế

hoặc khấu trừ thuế chưa đủ (bao gồm trường hợp chưa đến mức khấu trừ và đã đến mức khấu trừ nhưng không khấu trừ).

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại nhiều nơi.

- Cá nhân chỉ có thu nhập vãng lai đã khấu trừ thuế theo tỷ lệ 10% (kể cả trường hợp có thu nhập vãng lai duy nhất tại một nơi).

- Cá nhân chưa đăng ký mã số thuế

- Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công đồng thời thuộc diện xét giảm thuế do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế thì không uỷ quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế thay mà phải trực tiếp khai quyết toán với cơ quan thuế theo quy định.

3. Trường hợp điều chỉnh sau khi đã ủy quyền QTT

Cá nhân sau khi đã ủy quyền quyết toán thuế, tổ chức trả thu nhập đã thực hiện quyết toán thuế thay cho cá nhân, nếu phát hiện cá nhân thuộc diện trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế thì tổ chức trả thu nhập không điều chỉnh lại quyết toán thuế TNCN của tổ chức trả thu nhập, chỉ cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân theo số quyết toán và ghi vào góc dưới bên trái của chứng từ khấu trừ thuế nội dung: “Công ty ... đã quyết toán thuế TNCN thay cho Ông/Bà (theo ủy quyền) tại dòng (số thứ tự) ... của Phụ lục Bảng kê 05-1/BK-QTT-TNCN” để cá nhân trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế.

IV. MỘT SỐ NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN XÁC ĐỊNH SỐ THUẾ PHẢI NỘP

Quy định về thu nhập chịu thuế từ tiền lương tiền công, các khoản giảm trừ thu nhập chịu thuế TNCN được xác định theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013; Điều 11, Điều 12 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014; Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính, Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 ngày 02/6/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Cục Thuế TP Hà Nội lưu ý một số nội dung sau:

1. Thu nhập chịu thuế

- Thu nhập chịu thuế phải quyết toán năm 2021 là tổng thu nhập từ tiền lương tiền công mà cá nhân thực nhận từ 01/01/2021 đến 31/12/2021.

- Khoản tiền thuê nhà, điện nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có) đối với nhà ở do đơn vị sử dụng lao động trả thay tính vào thu nhập chịu thuế theo số thực tế trả thay nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế phát sinh (chưa bao gồm tiền thuê nhà, điện nước và dịch vụ kèm theo (nếu có)) tại đơn vị không phân biệt nơi trả thu nhập, không bao gồm: khoản lợi ích về nhà ở, điện nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có) đối với nhà ở do người sử dụng lao động xây dựng để cung cấp miễn phí cho người lao động làm việc tại khu công nghiệp; nhà ở do người sử dụng lao động xây dựng tại khu kinh tế, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn cung cấp miễn phí cho người lao động làm việc tại đó.

- Trường hợp cá nhân ở tại trụ sở làm việc thì thu nhập chịu thuế căn cứ vào tiền thuê nhà hoặc chi phí khấu hao, tiền điện, nước và các dịch vụ khác tính theo tỷ lệ giữa diện tích cá nhân sử dụng với diện tích trụ sở làm việc.

- Các khoản phụ cấp, trợ cấp không tính vào thu nhập chịu thuế được tổng hợp tại Danh mục tổng hợp các khoản phụ cấp, trợ cấp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành làm cơ sở xác định thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền lương, tiền công, ban hành tại *công văn số 1381/TCT-TNCN ngày 24/4/2014 của Tổng Cục Thuế*.

2. Thu nhập tính thuế bình quân tháng

- Trường hợp cá nhân thuộc diện quyết toán thuế theo quy định thì thu nhập chịu thuế của năm là tổng thu nhập chịu thuế của từng tháng được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế đã quy đổi. Trường hợp cá nhân có thu nhập không bao gồm thuế từ nhiều tổ chức trả thu nhập thì thu nhập chịu thuế của năm là tổng thu nhập chịu thuế từng tháng tại các tổ chức trả thu nhập trong năm.

- Trường hợp thu nhập cá nhân nhận được không bao gồm thuế TNCN thì phải thực hiện quy đổi theo hướng dẫn Khoản 4 Điều 7 Thông tư số 111/2013/TT-BTC và Điều 14 Thông tư số 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính.

Việc quy đổi được thực hiện theo thu nhập thực nhận hàng tháng, khi quyết toán thuế TNCN, thu nhập tính thuế cả năm là tổng thu nhập chịu thuế của từng tháng được xác định trên cơ sở đã quy đổi theo thu nhập thực nhận từng tháng.

- Khi thực hiện quyết toán thuế năm thì thu nhập tính thuế bình quân tháng được xác định bằng tổng thu nhập cả năm (12 tháng) trừ (-) tổng các khoản giảm trừ của cả năm sau đó chia cho 12 tháng, cụ thể như sau:

Thu nhập tính thuế bình quân tháng	Tổng thu nhập chịu thuế	Tổng các khoản giảm trừ
	12 tháng	

- Đối với cá nhân cư trú là người nước ngoài thì thời điểm bắt đầu tính thuế TNCN của cá nhân nước ngoài căn cứ vào ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam của cá nhân cho mục đích làm việc phát sinh thu nhập tại Việt Nam ghi trên hợp đồng hoặc văn bản cử sang làm việc tại Việt Nam.

- Trường hợp cá nhân cư trú là công dân của quốc gia, vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định với Việt Nam về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập thì nghĩa vụ thuế TNCN được tính từ tháng đến Việt Nam trong trường hợp cá nhân lần đầu tiên có mặt tại Việt Nam đến tháng kết thúc Hợp đồng lao động và rời Việt Nam (được tính đủ theo tháng)

3. Các khoản giảm trừ

3.1. Giảm trừ gia cảnh cho bản thân

- Trường hợp trong kỳ tính thuế cá nhân cư trú chưa tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân hoặc tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân chưa đủ 12 tháng thì được tính đủ 12 tháng nếu thực hiện quyết toán thuế theo quy định.

- Đối với cá nhân là công dân của quốc gia, vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định với Việt Nam về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và là cá nhân cư trú tại Việt Nam thì việc tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân được tính **tương ứng với số tháng xác định nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân phải khai tại Việt Nam theo quy định.**

- Mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng (132 triệu đồng/năm).

3.2. Giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc

Việc giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc mà người nộp thuế có nghĩa vụ nuôi dưỡng được tính kể từ tháng có phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính, cụ thể một số nội dung cần lưu ý như sau:

- Người phụ thuộc đã đăng ký và có đầy đủ hồ sơ chứng minh người phụ thuộc theo quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính thì được tính giảm trừ gia cảnh trong năm 2021, **kể cả trường hợp người phụ thuộc chưa được cơ quan thuế cấp MST.**

- Trường hợp người nộp thuế đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc không có thu nhập hoặc có thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập không vượt quá 01(một) triệu đồng thì người nộp thuế phải cam kết và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin người phụ thuộc.

- Đối với cá nhân là công dân của quốc gia, vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định với Việt Nam về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và là cá nhân cư trú tại Việt Nam thì việc tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc được tính tương ứng với **số tháng xác định nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân phải khai tại Việt Nam theo quy định.**

- Trường hợp người nộp thuế đăng ký giảm trừ người phụ thuộc sau thời điểm thực tế phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng thì khi quyết toán thuế TNCN được tính lại theo thực tế phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng.

- Trường hợp người nộp thuế chưa tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc trong năm tính thuế thì được tính giảm trừ gia cảnh cho NPT kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng khi người nộp thuế thực hiện ủy quyền quyết toán thuế và đã khai đầy đủ thông tin NPT gửi cho tổ chức trả thu nhập thì tổ chức trả thu nhập kê khai vào mẫu phụ lục Bảng kê 05-3/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính và tính giảm trừ người phụ thuộc cho người nộp thuế.

- Trường hợp người nộp thuế có phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng đối với người phụ thuộc khác **không nơi nương tựa** hướng dẫn tại tiết d.4, điểm d, khoản 1, Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính (như: anh, chị, em ruột; ông, bà nội ngoại; cô, dì...) thì thời hạn đăng ký giảm trừ gia cảnh chậm nhất là ngày 31/12/2021, nếu đăng ký giảm trừ gia cảnh quá thời hạn nêu trên người nộp thuế không được giảm trừ gia cảnh đối với người phụ thuộc đó cho năm 2021.

- Mỗi người phụ thuộc chỉ được tính **giảm trừ một lần** vào **một người nộp thuế**

trong năm tính thuế. Trường hợp nhiều người nộp thuế có chung người phụ thuộc phải nuôi dưỡng thì người nộp thuế tự thỏa thuận để đăng ký giảm trừ gia cảnh vào một người nộp thuế.

- Mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng (52,8 triệu đồng/năm).

3.3. Điều kiện để xác định người khuyết tật, không có khả năng lao động là người phụ thuộc

Người khuyết tật, không có khả năng lao động theo hướng dẫn tại tiết đ.1.1, điểm đ, khoản 1, Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính là những người thuộc diện điều chỉnh của pháp luật về người khuyết tật, người mắc bệnh hiểm nghèo và không có khả năng lao động. Danh mục bệnh hiểm nghèo được áp dụng theo **công văn số 6383/BTC-TCT ngày 18/5/2015** của Bộ Tài chính về việc xác định cá nhân mắc bệnh hiểm nghèo được xét giảm thuế thu nhập cá nhân.

3.4. Hồ sơ đăng ký người phụ thuộc

- Cá nhân nộp hồ sơ đăng ký người phụ thuộc như sau:

+ Bản đăng ký người phụ thuộc theo mẫu số 07/DK-NPT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

+ Hồ sơ chứng minh người phụ thuộc theo quy định của Luật Thuế thu nhập cá nhân.

+ Trường hợp người phụ thuộc do người nộp thuế trực tiếp nuôi dưỡng phải lấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã/phường nơi người phụ thuộc cư trú theo mẫu số 07/XN-NPT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

Lưu ý: Tại điểm i Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn như sau:

“i) Người nộp thuế chỉ phải đăng ký và nộp hồ sơ chứng minh cho mỗi một người phụ thuộc một lần trong suốt thời gian được tính giảm trừ gia cảnh. Trường hợp người nộp thuế thay đổi nơi làm việc, nơi kinh doanh thì thực hiện đăng ký và nộp hồ sơ chứng minh người phụ thuộc như trường hợp đăng ký người phụ thuộc lần đầu theo hướng dẫn tại tiết h.2.1.1.1, điểm h, khoản 1, Điều này.”

Theo hướng dẫn như trên, trường hợp trong năm cá nhân làm việc tại một đơn vị phụ thuộc và đã đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc tại cơ quan thuế quản lý đơn vị phụ thuộc đó. Khi thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân tập trung tại trụ sở chính thì cá nhân không cần phải đăng ký lại giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc.

V. THỦ TỤC KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN

1. Khai quyết toán thuế

1.1. Hồ sơ khai quyết toán thuế TNCN

Tại điểm b tiết 9.2 và điểm b tiết 9.9 Khoản 9 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân.

Tại Khoản 2 Điều 87 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn: “*2. Mẫu biểu hồ sơ khai thuế quy định tại Thông tư này được áp dụng đối với các kỳ tính thuế bắt đầu từ ngày 01/01/2022 trở đi. Đối với khai quyết toán thuế của kỳ tính thuế năm 2021 cũng được áp dụng theo mẫu biểu hồ sơ quy định tại Thông tư này.*”

Theo đó, hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân từ kỳ tính thuế năm 2021 như sau:

- Đối với cá nhân khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân trực tiếp với cơ quan thuế, hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân bao gồm:

- + Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 02/QT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

- + Phụ lục bảng kê giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc mẫu số 02-1/BK- QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

- + Bản sao các chứng từ chứng minh số thuế đã khấu trừ, đã tạm nộp trong năm, số thuế đã nộp ở nước ngoài (nếu có). Trường hợp tổ chức trả thu nhập không cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân do tổ chức trả thu nhập đã chấm dứt hoạt động thì cơ quan thuế căn cứ cơ sở dữ liệu của ngành thuế để xem xét lý hồ sơ quyết toán thuế cho cá nhân mà không bắt buộc phải có chứng từ khấu trừ thuế.

- + Bản sao Giấy chứng nhận khấu trừ thuế (ghi rõ đã nộp thuế theo tờ khai thuế thu nhập nào) do cơ quan trả thu nhập cấp hoặc Bản sao chứng từ ngân hàng đối với số thuế đã nộp ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế trong trường hợp theo quy định của luật pháp nước ngoài, cơ quan thuế nước ngoài không cấp giấy xác nhận số thuế đã nộp.

- + Bản sao các hóa đơn chứng từ chứng minh khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học (nếu có).

- + Tài liệu chứng minh về số tiền đã trả của đơn vị, tổ chức trả thu nhập ở nước ngoài trong trường hợp cá nhân nhận thu nhập từ các tổ chức quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán và nhận thu nhập từ nước ngoài.

- + Hồ sơ đăng ký người phụ thuộc (nếu tính giảm trừ cho người phụ thuộc tại thời điểm quyết toán thuế đối với người phụ thuộc chưa thực hiện đăng ký người phụ thuộc).

- Đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập, hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân như sau:

- + Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

+ Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo biểu lũy tiến từng phần mẫu số 05-1/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

+ Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo thuế suất toàn phần mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

+ Phụ lục bảng kê chi tiết người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh mẫu số 05-3/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

- Trường hợp cá nhân thực hiện ủy quyền cho tổ chức trả thu nhập quyết toán thay thì cá nhân lập Giấy uỷ quyền quyết toán thuế thu nhập cá nhân từ kỳ tính thuế năm 2021 theo mẫu số 08/UQ-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

1.2. Khai bổ sung hồ sơ khai quyết toán thuế TNCN

- Trường hợp tổ chức, cá nhân khai bổ sung không làm thay đổi nghĩa vụ thuế thì chỉ phải nộp Bản giải trình khai bổ sung và các tài liệu có liên quan, không phải nộp Tờ khai bổ sung.

- Trường hợp tổ chức, cá nhân chưa nộp hồ sơ khai quyết toán thuế năm thì người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế của tháng, quý có sai, sót, đồng thời tổng hợp số liệu khai bổ sung vào hồ sơ khai quyết toán thuế năm.

- Trường hợp tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ khai quyết toán thuế năm thì:

+ Đối với cá nhân trực tiếp khai thuế, trực tiếp quyết toán thuế chỉ khai bổ sung hồ sơ khai quyết toán thuế năm.

+ Đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công thì đồng thời phải khai bổ sung hồ sơ khai quyết toán thuế năm và tờ khai tháng, quý có sai, sót tương ứng.

2. Nơi nộp hồ sơ khai quyết toán thuế

Nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân thực hiện theo hướng dẫn cụ thể tại Khoản 8 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Trường hợp cá nhân khai và nộp tờ khai quyết toán thuế TNCN tại trang web <https://canhan.gdt.gov.vn> thì hệ thống có chức năng hỗ trợ xác định cơ quan thuế quyết toán dựa trên thông tin liên quan đến nghĩa vụ thuế phát sinh trong năm do cá nhân kê khai.

Nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân được xác định cụ thể như sau:

2.1. Đối với tổ chức trả thu nhập nộp hồ sơ khai quyết toán thuế TNCN cho cơ quan Thuế trực tiếp quản lý tổ chức trả thu nhập đó.

2.2. Đối với cá nhân trực tiếp quyết toán với cơ quan Thuế

- Cá nhân cư trú có thu nhập tiền lương, tiền công tại một nơi và thuộc diện tự khai thuế trong năm thì nộp hồ sơ khai quyết toán thuế tại cơ quan thuế nơi cá nhân trực tiếp khai thuế trong năm theo quy định tại điểm a Khoản 8 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP. Trường hợp cá nhân có thu nhập tiền lương, tiền công tại hai nơi trở lên bao gồm cả trường hợp vừa có thu nhập thuộc diện khai trực tiếp, vừa có thu nhập do tổ chức chi trả đã khấu trừ thì cá nhân nộp hồ sơ khai quyết toán thuế tại cơ quan thuế nơi có nguồn thu nhập lớn nhất trong năm. Trường hợp không xác định được nguồn thu nhập lớn nhất trong năm thì cá nhân tự lựa chọn nơi nộp hồ sơ quyết toán tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp tổ chức chi trả hoặc nơi cá nhân cư trú.

- Cá nhân cư trú có thu nhập tiền lương, tiền công thuộc diện tổ chức chi trả khấu trừ tại nguồn từ hai nơi trở lên thì nộp hồ sơ khai quyết toán thuế như sau:

+ Cá nhân đã tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân tại tổ chức, cá nhân trả thu nhập nào thì nộp hồ sơ khai quyết toán thuế tại cơ quan thuế trực tiếp quản lý tổ chức, cá nhân trả thu nhập đó. Trường hợp cá nhân có thay đổi nơi làm việc và tại tổ chức, cá nhân trả thu nhập cuối cùng có tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân thì nộp hồ sơ khai quyết toán thuế tại cơ quan thuế quản lý tổ chức, cá nhân trả thu nhập cuối cùng. Trường hợp cá nhân có thay đổi nơi làm việc và tại tổ chức, cá nhân trả thu nhập cuối cùng không tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân thì nộp hồ sơ khai quyết toán thuế tại cơ quan thuế nơi cá nhân cư trú. Trường hợp cá nhân chưa tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân ở bất cứ tổ chức, cá nhân trả thu nhập nào thì nộp hồ sơ khai quyết toán thuế tại cơ quan thuế nơi cá nhân cư trú.

+ Trường hợp cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động, hoặc ký hợp đồng lao động dưới 03 tháng, hoặc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ có thu nhập tại một nơi hoặc nhiều nơi đã khấu trừ 10% thì nộp hồ sơ khai quyết toán thuế tại cơ quan thuế nơi cá nhân cư trú.

+ Cá nhân cư trú trong năm có thu nhập từ tiền lương, tiền công tại một nơi hoặc nhiều nơi nhưng tại thời điểm quyết toán không làm việc tại tổ chức, cá nhân trả thu nhập nào thì nơi nộp hồ sơ khai quyết toán thuế là cơ quan thuế nơi cá nhân cư trú.

3. Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán

Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN thực hiện theo hướng dẫn cụ thể tại điểm a, điểm b Khoản 2 Điều 44 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội.

3.1. Đối với cá nhân trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế

Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 04 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch. Trường hợp thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế trùng với ngày nghỉ theo quy định thì thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế là ngày làm việc tiếp theo. Như vậy, thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN đối với cá nhân trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế là ngày 04/05/2022.

Trường hợp cá nhân có phát sinh hoàn thuế TNCN nhưng chậm nộp tờ khai quyết toán thuế theo quy định thì không áp dụng phạt đối với vi phạm hành chính khai quyết toán thuế quá thời hạn.

3.2.Đối với tổ chức chi trả thu nhập

Thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 03 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính.

Tổ chức trả thu nhập **chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc phá sản** theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì phải quyết toán thuế đối với số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ chậm nhất là ngày thứ 45 (bốn mươi lăm) kể từ ngày chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc phá sản.

VI. NỘP HỒ SƠ QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN THEO PHƯƠNG THỨC ĐIỆN TỬ

Cục Thuế TP Hà Nội triển khai hệ thống dịch vụ thuế điện tử đối với các tờ khai Quyết toán thuế TNCN mẫu: 02/TT-TNCN, 05/TT-TNCN và các phụ lục đính kèm; tờ khai cấp mã số thuế cho người phụ thuộc mẫu 02TH trên hệ thống thuế điện tử (eTax) tại địa chỉ <https://thuedientu.gdt.gov.vn> tới NNT, cụ thể như sau:

- Đối với các tổ chức trả thu nhập có sử dụng chữ ký số TCTTN truy cập vào cổng thông tin điện tử <https://thuedientu.gdt.gov.vn> để gửi dữ liệu cho CQT. Tổ chức trả thu nhập khai thuế điện tử không gửi hồ sơ QTT bằng bản giấy.
- Cá nhân đã đăng ký thành công tài khoản giao dịch thuế điện tử với cơ quan thuế truy cập vào cổng thông tin điện tử <https://thuedientu.gdt.gov.vn>, phân hệ dành cho cá nhân (trang web <https://canhan.gdt.gov.vn>) để nộp hồ sơ quyết toán thuế trực tuyến và không phải nộp bản giấy.
- Cá nhân chưa đăng ký thành công tài khoản giao dịch thuế điện tử và tổ chức trả thu nhập chưa sử dụng chữ ký số khi thực hiện kê khai tờ khai QTT TNCN sẽ thực hiện nộp quyết toán thuế bằng bản giấy có ký đóng dấu và đồng thời gửi file dữ liệu tại trang web <https://thuedientu.gdt.gov.vn> hoặc copy file mềm vào usb khi nộp bản giấy cho CQT.

Lưu ý:

- Cá nhân và Tổ chức trả thu nhập kết xuất dữ liệu file Excel để lưu, kết xuất dữ liệu file XML để gửi CQT.
- Với trường hợp file dữ liệu có dung lượng lớn mà phần mềm HTKK không kết xuất thì CQCT liên hệ với CQT quản lý trực tiếp để được hướng dẫn và hỗ trợ.
- Tổ chức trả thu nhập thông báo, hướng dẫn người lao động thuộc đơn vị QTT trực tiếp với CQT như sau: Các cá nhân thuộc diện phải QTT nếu không thuộc diện ủy quyền cho tổ chức trả thu nhập quyết toán thay thì thực hiện QTT trực tiếp với CQT, thực hiện các bước tương tự như tổ chức trả thu nhập.

Từ năm 2021, Tổng cục Thuế đã hoàn thành xây dựng hệ thống ứng dụng đáp ứng việc tiếp nhận Tờ khai quyết toán thuế TNCN dành cho cá nhân (Tờ khai mẫu 02/TT-TNCN) theo phương thức điện tử trên cổng thông tin của Tổng cục thuế. Do đó, để tiết kiệm được thời gian, chi phí đi lại của cá nhân cũng như góp phần

ngăn ngừa, phòng chống lây nhiễm dịch bệnh Covid-19, Cục Thuế TP Hà Nội khuyến khích cá nhân thực hiện giao dịch thuế điện tử với cơ quan thuế thông qua việc sử dụng các ứng dụng trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế <https://thuedientu.gdt.gov.vn>.

Trên trang web của Cục thuế TP Hà Nội <http://hanoi.gdt.gov.vn> có đăng tải các phần mềm, tài liệu hướng dẫn cài đặt, hướng dẫn các bước đăng ký tài khoản giao dịch điện tử, kê khai QTT TNCN để các cá nhân và tổ chức trả thu nhập dễ dàng thực hiện quyết toán thuế TNCN năm 2021.

Cục Thuế TP Hà Nội khuyến nghị:

- Các tổ chức, cá nhân nên nộp hồ sơ QTT TNCN trước thời hạn để tránh ùn tắc trong giai đoạn cao điểm.
- Đối với trường hợp nộp hồ sơ QTT TNCN bằng bản giấy thì nên sử dụng phương thức nộp hồ sơ qua đường bưu điện để tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại, tránh tập trung đông người nhằm phòng chống lây nhiễm dịch bệnh Covid -19. Khi nộp hồ sơ qua đường bưu điện, NNT thực hiện khai đầy đủ thông tin về họ tên, địa chỉ liên lạc, địa chỉ email, số điện thoại để cơ quan thuế có thể thông tin, liên lạc với NNT nếu hồ sơ khai thuế cần bổ sung, hoàn thiện.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc NNT liên hệ với CQT trực tiếp quản lý để được hướng dẫn và hỗ trợ./. *my*

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục Thuế;
- Các Chi cục Thuế quận, huyện, thị xã, khu vực;
- Các Phòng TTHT, DTPC, KKKTT, CNTT;
- Lưu: VT, Phòng HKDCN *(lưu 43; 2)*



Nguyễn Anh Dũng